Họ và tên HS: ............................................................

**ÔN TẬP TIẾNG VIỆT (LUYỆN TỪ VÀ CÂU)**

**Câu 1: Sắp xếp các từ trong ngoặc vào nhóm thích hợp:**

(bạn gái, cao lớn, hộp bút, chạy bộ, viết, tròn, quả cam, tốt bụng, màu xanh,

nói chuyện, khủng long, rụng)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Từ chỉ sự vật** | **Từ chỉ hoạt động** | **Từ chỉ đặc điểm** |
| .............................................  .............................................  .............................................  ............................................. | .............................................  .............................................  .............................................  ............................................. | .............................................  .............................................  .............................................  ............................................. |

**Câu 2: Đặt câu hỏi cho bộ phận câu được in đậm trong các câu sau:**

***\*Học sinh chú ý đã học các dạng câu hỏi: Ở đâu? Khi nào? Vì sao?***

a. Bức ảnh Bác Hồ được treo **ngay trên bảng lớp.**

............................................................................................................................................

b. **Vào mỗi buổi sáng,** các bạn làm trực nhật lớp.

............................................................................................................................................

c. Giờ ra chơi, các bạn gái chơi nhảy dây **dưới sân trường.**

............................................................................................................................................

d. Học sinh phải nghỉ học **vì dịch Covid 19.**

............................................................................................................................................

e. Hoa phượng nở đỏ rực **khi mùa hè đến.**

............................................................................................................................................

**Câu 3: Tìm từ trái nghĩa với các từ đã cho và đặt câu với các từ vừa tìm được:**

*Ví dụ:* - Trái nghĩa với “**buồn**” là: **vui**

- Đặt câu: Em rất **vui** vì mình học tập tiến bộ.

a. - Trái nghĩa với “cao” là: ................

- Đặt câu: .......................................................................................................................

b. - Trái nghĩa với “nhanh” là: ................

- Đặt câu: .......................................................................................................................

c. - Trái nghĩa với “lười biếng” là: ................

- Đặt câu: .......................................................................................................................

**Câu 4: Em điền dấu chấm hay dấu phẩy thích hợp vào ô trống?**

1. Cam quýt bưởi xoài là đặc sản của vùng quê này
2. Buổi sáng sương muối phủ trắng cành cây Tất cả núi đồi thung lũng

làng bản chìm trong mây mù